

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/DS- ST
Ngày: 25-9-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Xiêm
2. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị B, sinh năm 1967. Trú tại: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1957; Hộ khẩu thường trú ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trú tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Hồng P, sinh năm 1966. Hộ khẩu thường trú ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trú tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà B có mặt; ông L, bà P vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị B trình bày:

Từ năm 2015 đến năm 2017 ông Nguyễn Văn L có đến hỏi mượn tiền của bà nhiều lần và đến ngày 16-4-2017 tổng cộng nợ số tiền 1.520.000.000 đồng để ông L trả tiền đáo hạn ngân hàng, thỏa thuận lãi 1,5%/tháng, ông L hứa 06 tháng trả lại và ông L có viết giấy nợ cho bà lần cuối là ngày 16-4-2017. Nhưng đến ngày hẹn ông L không trả, bà có đòi nhiều lần nhưng ông L trốn tránh không trả. Ông L sau đó chỉ trả được 200.000.000 đồng tiền vốn và khoảng 300.000.000 đồng tiền lãi. Ông L có hứa giao cho bà 2.000m² đất để trừ 520.000.000 đồng nhưng đến nay ông chưa đưa đất cho bà. Sau đó công an tỉnh Bến Tre có giải quyết việc này, Công an tỉnh Bến Tre ra quyết định không khởi tố ông L.

Nay bà yêu cầu ông L, bà P liên đới trả số tiền còn nợ là 1.320.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng P vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành không đúng pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể vắng mặt trong các lần tòa mời.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Hồng P phải liên đới hoàn trả cho bà Võ Thị B số tiền vay là 1.320.000.000 đồng, ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã P, huyện M, căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt ông L, bà P.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Nguyên đơn cho rằng ông Nguyễn Văn L có đến hỏi mượn tiền của bà nhiều lần và đến ngày 16-4-2017 tổng cộng nợ số tiền 1.520.000.000 đồng để ông L trả tiền đáo hạn ngân hàng, thỏa thuận lãi 1,5%/tháng, ông L hứa 06 tháng trả lại và ông L có viết giấy nợ cho bà B. Ông L chỉ trả 200.000.000 đồng tiền vốn và khoảng 300.000.000 đồng tiền lãi. Đồng thời phía nguyên đơn nộp cho tòa 01 giấy nợ ký tên Nguyễn Văn L. Ông L vắng mặt không có lời khai, tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai ngày 15-8-2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre ông L thừa nhận có vay của B tổng số tiền 1.520.000.000.000 đồng, có viết biên nhận nợ và đưa cho bà B, lãi suất 3%/tháng nhưng ông có trả được 720.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi nhưng không nhớ bao nhiêu.

Như vậy, việc ông L vay tiền của bà B là có thật. Sau khi tòa thụ lý đã ra thông báo thụ lý và triệu tập ông tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L không đến, không có ý kiến cũng như cung cấp chứng cứ chứng minh về việc ông đã trả 720.000.000 đồng và tiền lãi cho bà B nên có căn cứ để xác định đến thời điểm này ông L còn nợ bà B số tiền vốn vay là 1.320.000.000 đồng và việc ông L vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ đúng hạn như đã thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà B, Do đó Hội đồng xét xử, căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự buộc ông L phải có nghĩa vụ hoàn trả bà B số tiền vốn vay 1.320.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với số tiền lãi mà ông L đã trả cho bà B, ông L không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Đối với bà Nguyễn Hồng P là vợ ông L mặc dù không trực tiếp tham gia hợp đồng vay tài sản với bà B, tuy nhiên việc ông L vay là để phục vụ phát triển kinh tế gia đình, do đó căn cứ vào Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc bà Nguyễn Hồng P phải liên đới cùng với ông L trả nợ cho bà B số tiền vay 1.320.000.000 đồng là phù hợp.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Hồng P phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo qui định nhưng do ông Linh thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Xét về quan điểm đại diện Viện kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị B.

Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Hồng P phải liên đới hoàn trả cho bà Võ Thị B số tiền vay là 1.320.000.000 (một tỉ ba trăm hai mươi nghìn) đồng, ghi nhận bà B không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nghĩa vụ nộp án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn L được miễn nộp do thuộc diện người cao tuổi.

Buộc bà Nguyễn Hồng P phải nộp số tiền án phí là 25.800.000 (hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà Võ Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.800.000 (hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002929 ngày 15-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);
- Đường sự (03b);
- Lưu HS, VP (03b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

